

Số: 394/2026/QĐST-VDS

Ngày: 31/3/2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc: "Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự"

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Tiến - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà Hoàng Thị Phi Nga - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 199/2026/TLST-VDS ngày 16 tháng 01 năm 2026; về việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định mở phiên họp số 199/2026/QĐST - VDS ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Đinh Thị Lan H, sinh năm 1968; Căn cước công dân số 001168012333 do Cục C2 về TTXH cấp ngày 08/4/2021; Đăng ký thường trú: Số B phố X, phường V - Q, Thành phố Hà Nội.

Yêu cầu Tòa án tuyên bố cụ Nguyễn Thị M, sinh năm 1935; Căn cước công dân số 001135011625 do Cục C2 về TTXH cấp ngày 21/01/2023; Đăng ký thường trú: Số A T, phường H, Thành phố Hà Nội mất năng lực hành vi dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đinh Thị Kim P, sinh năm 1958; Căn cước công dân số 001158042792 do Cục C2 về TTXH cấp ngày 23/7/2021; Đăng ký thường trú và nơi cư trú hiện nay: Phòng E số D T, phường H, Thành phố Hà Nội.

2. Ông Đinh Mạnh C, sinh năm 1961; Căn cước công dân số 001061004224 do Cục C2 về TTXH cấp ngày 10/7/2021; Đăng ký thường trú và nơi cư trú hiện nay: Nhà số A Ngõ B phố X, phường K, TP.

Tại phiên họp có mặt bà Đinh Thị Lan H; bà Đinh Thị Kim P; Ông Đinh Mạnh C có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 09 tháng 12 năm 2025 và bản tự khai bà Đinh Thị Lan H trình bày:

Mẹ đẻ của bà là cụ Nguyễn Thị M và bố đẻ của bà là ông Đinh C1 sinh năm 1923 (chết năm 1991) Bố mẹ bà sinh được 03 người con bao gồm: Bà Đinh Thị Kim P, sinh năm 1958; ông Đinh Mạnh C, sinh năm 1961 và bà là Đinh Thị Lan H, sinh năm 1968. Cụ Nguyễn Thị M sinh trưởng trong gia đình có 7 chị em gái, họ hàng bên nội và bên ngoại trong phạm vi 3 đời của cụ không có ai mắc bệnh tâm thần, bản thân cụ là cán bộ Trung tâm y tế quận Đ và nghỉ hưu từ năm 1990. Năm 2002, cụ M phát hiện K vú, đã điều trị và cắt một bên vú phải. Đến năm 2014 các con bắt đầu nhận thấy cụ M có nhiều dấu hiệu của việc suy giảm trí nhớ. Do chủ quan cho rằng đó là do trước đây dùng thuốc để điều trị K vú và cũng là điều bình thường của tuổi già nên các con không đưa bà đi thăm khám tại các cơ sở y tế mà chỉ quan tâm chăm sóc cụ tại nhà. Thời gian qua đi, tình trạng suy giảm trí nhớ của cụ ngày càng trầm trọng, cụ M dần quên mất tên các con, cháu. Tình trạng bệnh của cụ ngày càng kém, sau đó cụ không chịu đi lại nữa, mọi việc vệ sinh cá nhân các con cháu phục vụ tại giường. Việc ăn uống của cụ cũng ngày càng khó, các con phải xúc cho bà từng thìa nhỏ. Từ năm 2021, cụ M không chịu nhai nuốt thức ăn nên gia đình phải mời y tá đến nhà đặt sonde và cho cụ ăn qua đường sonde cho đến nay. Nay để đảm bảo các giao dịch dân sự liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ dân sự của gia đình phát sinh trong đời sống, các con của cụ M nhất trí thống nhất đề nghị Tòa án tuyên bố cụ Nguyễn Thị M mất năng lực hành vi dân sự và cử bà Đinh Thị Kim P là con cả là người giám hộ cho cụ Nguyễn Thị M. Bà Đinh Thị Kim P có đầy đủ năng lực dân sự để thực hiện quyền giám hộ cho mẹ bà là cụ Nguyễn Thị M. Bà H đồng ý với kết luận giám định của V.

Bà Đinh Thị Kim P thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà Đinh Thị Lan H.

Ông Đinh Mạnh C thống nhất với lời trình bày nêu trên của bà Đinh Thị Lan H và có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

Tại phiên họp bà Đinh Thị Lan H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố cụ Nguyễn Thị M mất năng lực hành vi dân sự và đề nghị Tòa án cử bà Đinh Thị Kim P là người đại diện theo pháp luật cho cụ Nguyễn Thị M. Bà Đinh Thị Kim P thống nhất với lời trình bày trên của bà Đinh Thị Lan H và đề nghị Tòa án cử bà là người giám hộ cho cụ Nguyễn Thị M theo quy định của pháp luật.

Ông Đinh Mạnh C có đơn xin vắng mặt tại phiên họp vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và cùng nhất trí với quan điểm của bà Đinh Thị Lan H và bà Đinh Thị Kim P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội sau khi đánh giá chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự và thư ký phiên họp: Từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán, Hội đồng ra quyết định giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự và Thư ký phiên họp đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 đến Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu tuyên bố cụ Nguyễn Thị M mất năng lực hành vi dân sự và xác định bà Đinh Thị Kim P là người giám hộ cho cụ Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội nhận định:

[1]. Bà Đinh Thị Lan H có quyền yêu cầu tuyên bố cụ Nguyễn Thị M là mẹ đẻ mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 376 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Xét đơn của bà Đinh Thị Lan H yêu cầu tuyên bố cụ Nguyễn Thị M mất năng lực hành vi dân sự là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Mạnh C có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Việc Tòa án mở phiên họp và ra quyết định giải quyết việc dân sự vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét yêu cầu của đương sự:

[4.1]. Cụ Nguyễn Thị M sinh trưởng trong gia đình có 7 chị em gái, họ hàng bên nội và bên ngoại trong phạm vi 3 đời của cụ không có ai mắc bệnh tâm thần, bản thân cụ là cán bộ Trung tâm y tế quận Đ và đã nghỉ hưu từ năm 1990. Năm 2002, cụ M phát hiện K vú, đã điều trị và cắt một bên vú phải. Đến năm 2014 các con bắt đầu nhận thấy cụ M có nhiều dấu hiệu của việc suy giảm trí nhớ. Thời gian qua đi, tình trạng suy giảm trí nhớ của cụ ngày càng trầm trọng, cụ M dần quên mất tên các con, cháu. Tình trạng bệnh của cụ ngày càng kém, sau đó cụ không chịu đi lại nữa, mọi việc vệ sinh cá nhân các con cháu phục vụ tại giường. Việc ăn uống của cụ cũng ngày càng khó, các con phải xúc cho bà từng thìa nhỏ. Từ năm 2021, cụ M không chịu nhai nuốt thức ăn nên phải đặt sonde và cho cụ ăn qua đường sonde cho đến nay

[4.2]. Ngày 20/01/2026 Toà án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội đã ra Quyết định số 102/2026/QĐ-TCGD trưng cầu V giám định pháp y tâm thần đối với cụ Nguyễn Thị M. Ngày 18/3/2026 V có Kết luận giám định sức khỏe tâm thần số 75/KLGD đã kết luận: Tại thời điểm giám định (hiện tại) cụ Nguyễn Thị M bị bệnh: Mất trí trong bệnh Alzheimer, theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD-10) có mã bệnh là: F00. Tại thời điểm trên, cụ Nguyễn Thị Minh M1 khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Theo quy định tại khoản 1

Điều 22 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Tòa án ra quyết định tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần. Do đó bà Đinh Thị Lan H yêu cầu Tòa án tuyên bố cụ Nguyễn Thị M mất năng lực hành vi dân sự là có căn cứ nên được chấp nhận. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con của cụ M đều thống nhất thỏa thuận cử bà Đinh Thị Kim P là người giám hộ cho cụ Nguyễn Thị M. Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Dân sự xác định bà Đinh Thị Kim P là người giám hộ đương nhiên cho cụ Nguyễn Thị M.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội tại phiên họp đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị Lan H tuyên bố cụ Nguyễn Thị M mất năng lực hành vi dân sự và xác định bà Đinh Thị Kim P là người giám hộ đương nhiên cho cụ Nguyễn Thị M. Như vậy đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6]. Về lệ phí: Bà Đinh Thị Lan H phải chịu 300.000đồng lệ phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 22, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 53, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 149, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 376, Điều 377 và Điều 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Chấp nhận Đơn yêu cầu của bà Đinh Thị Lan H về việc yêu cầu tuyên bố cụ Nguyễn Thị M mất năng lực hành vi dân sự.

[2]. Tuyên bố cụ Nguyễn Thị M, sinh năm 1935; Căn cước công dân số 001135011625 do Cục C2 về TTXH cấp ngày 21/01/2023; Đăng ký thường trú: Số A T, phường H, Thành phố Hà Nội mất năng lực hành vi dân sự.

[3]. Xác định bà Đinh Thị Kim P là người giám hộ đương nhiên cho cụ Nguyễn Thị M. Bà Đinh Thị Kim P1 thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật.

[4]. Lệ phí việc giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị Lan H phải chịu 300.000đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001441 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

[5]. Các đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định. Đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Hà Nội
- Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Hà Nội
- Người yêu cầu
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu trữ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Văn Tiến

Mẫu số 22-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

**TÒA ÁN NHÂN
DÂN.....⁽¹⁾**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-
.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v⁽³⁾.....
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

.....
Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

.....
Ông (Bà)

.....
Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾

.....
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **tham gia phiên họp:** Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số/...../TLST-.... ngày.... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾

.....theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số//QĐST-..... ngày.... tháng.... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾
- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾
- Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dânnhận định:⁽¹⁸⁾

[1]

[2]

[3]

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾

-⁽²⁰⁾

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

.....

.....

..

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT
VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
HỌP⁽²⁴⁾**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần X).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
HỢP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”

Nơi nhận:

- *Người yêu cầu;*
- *VKSND;*
- *Thi hành án dân sự;*
- *Tòa án TP Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ;*

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

Phạm Văn Tiến